

## Chuyên đề văn học

### “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử & “Tràng giang” của Huy Cận & “Ai đã đặt tên cho dòng sông” của Hoàng Phủ Ngọc Tường

Nó đã *“uốn mình theo những đường cong thật mềm...”*. Con sông Hương được nhân hóa như đang làm duyên, đang múa lượn. Sông Hương lúc thì trôi theo hướng Nam Bắc theo điện Hòn Chén, vấp Ngọc Trản; lúc thì chuyển hướng sang Tây Bắc vòng qua bãi Nguyệt Biều, Lương Quán. Rồi nó *“đột ngột vẽ một hình cung thật tròn về phía Đông Bắc ôm lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế”*. Dòng chảy của sông Hương qua các địa danh ngã ba Tuần, điện Hòn Chén, Ngọc Trản, bãi Lương Biều, Lương Quán, Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo,... được tác giả vẽ ra, nhắc lại một cách chính xác thể hiện những kiến thức về địa lí, văn hóa tinh tường. Người đọc có lúc ngỡ là ông đã từng nhiều năm tháng du ngoạn ngược xuôi với con thuyền nhỏ bồng bênh trong điệu Nam ai, Nam bình trên dòng sông Hương thơ mộng.

Ông yêu dòng sông quê mẹ, ông biết rõ dáng hình và những đường nét uốn lượn của nó. Cũng như Tô Hữu đã cảm mến thốt lên: *“Hương Giang ơi, qua tim ta vẫn ngày đêm tự tình”*. Ông nói về sắc nước của dòng sông Hương là *“xanh thắm”*, dáng hình của nó *“mềm như tấm*

lụa”, sự tập nập rộn ràng của nó là “*những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé bằng con thoi*”. Ông say mê thưởng thức gương sông lấp lánh “*sớm xanh, trưa vàng, chiều tím*” dưới ánh phản quang nhiều màu sắc trên nền trời Tây Nam thành Huế.

Giữa đám quần sơn lô xô, giữa những lăng tẩm đồ sộ của các vua chúa nhà Nguyễn, giữa những rừng thông u tịch, sông Hương mang vẻ đẹp “*trâm mặc... như triết lí, như cổ thi*”... Tác giả nhắc lại một vãn thơ cổ, thật đặc địa, gợi lên không khí, khung cảnh “*u tịch*” và “*trâm mặc*” của những rừng thông, của dòng sông, những thành quách và những đồi núi lô xô ở đây. Ai đã từng một lần đến thăm thú Khiêm Lăng (lăng vua Tự Đức) mới cảm nhận được cái đẹp của cảnh vật mà tác giả nói đến:

“*Bốn bề núi phủ mây phong,*

*Mảnh trăng thiên cổ, bóng tùng vạn niên*”.

Sắp đến thành phố mến thương, mặt nước sông Hương trở nên mơ màng, “*phẳng lặng*” trong tiếng chuông chùa Thiên Mụ ngân nga, giữa “*bát ngát tiếng gà*” của những xóm làng trung du.

Một lần nữa ta được thưởng thức một đoạn tùy bút mà chất thơ lai láng bồi hồi. Những liên tưởng và suy tưởng, những so sánh và nhân hóa, những kiến thức về địa lí, về văn hóa, về thi ca được tác giả vận dụng tài hoa khi nói về vẻ đẹp quyến rũ của sông Hương đoạn từ ngã ba Tuần đến chân đồi Thiên Mụ.

*c. Sông Hương từ ngoại ô Kim Long đến Côn Hén*

Đến vùng ngoại ô Kim Long, giữa những biển bãi xanh biếc, sông Hương “*vui tươi hẳn lên*” khi nó đã nhìn thấy chiếc cầu trắng của thành phố “*in ngần trên bầu trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non*”. Cồn Giã Viên và Cồn Hến ở đầu và cuối thành phố như hai cù lao xanh đã làm cho dòng Hương uốn cong “*mềm hẳn đi như một tiếng vâng không nói ra của tình yêu*”. Tác giả liên tưởng đến sông Xen của Pa-ri, sông Đa-núp của Bu-đa-pét, để nói lên vẻ đẹp độc đáo của sông Hương là nó “*nằm ngay giữa lòng thành phố yêu quý của mình*”; nó đã giữ cho Huế “*trong tổng thể vẫn giữ nguyên dạng một đô thị cổ, trải dọc hai bờ sông*”. Những nhánh sông đào mang nước Hương Giang tỏa đi khắp đô thị, những cây đa, cây cừa cổ thụ, những ánh lửa chài “*lập loè*” nơi xóm thuyền xúm xít trong đêm sương,... đã làm cho cố đô Huế tựa như “*một linh hồn mô tê xưa cũ mà không một thành phố hiện đại nào còn nhìn thấy được*”.

Lần thứ hai, Hoàng Phủ Ngọc Tường liên tưởng, so sánh về lưu tốc của sông Nê-va nơi thành phố Lê-nin-grát nước Nga với sông Hương. Hình ảnh con chim hải âu co một chân đậu trên chiếc thuyền băng lướt qua trước cung điện Pê-téc-bua như một khám phá nhiều ngộ nghĩnh; tác giả mơ ước được “*hóa làm một con chim nhỏ co một chân trên con tàu thủy tinh để đi ra biển*”. Con sông Hương khi gặp kinh thành xưa, hai hòn đảo Giã Viên và Cồn Hến đã làm cho nó “*trôi đi chậm, thực chậm, cơ hồ chỉ còn là một mặt hồ yên tĩnh*”.

Nhìn những dòng sông, những dòng nước chảy, tác giả nhắc lại tiếng khóc của nhà triết học Hi Lạp hơn hai ngàn năm về trước để nêu lên suy ngẫm về dòng chảy cuộc đời, về sự biến chuyển không ngừng của vạn vật. Rồi ông lại nghĩ về “điệu chảy lặng lẽ” của sông Hương, quý trọng coi đó là “điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế”. Hình ảnh “hàng trăm nghìn ánh hoa đăng bồng bềnh vào những đêm hội rằm tháng Bảy từ điện Hòn Chén trôi về”, và sự “ngập ngừng như muốn đi muốn ở, chao nhẹ trên mặt nước như những ván vương của một nỗi lòng” đã nói lên thật thơ về đẹp mộng mơ của sông Hương - bài thơ trữ tình của cố đô Huế.

Sự ngập ngừng ván vương ấy là vẻ đẹp của Hương Giang mà nhiều nhà thơ đã cảm nhận, trong đó, Thu Bồn đã có lần rung cảm:

*“Con sông dùng dằng, con sông không chảy*

*Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu”.*

Hoàng Phủ Ngọc Tường đã gieo chữ lên những vườn hoa, những cánh đồng màu mỡ; mà trong đó mỗi so sánh, nhân hóa và liên tưởng về dòng chảy sông Hương đoạn đi qua Huế tựa như hoa trái ngọt thơm đã thể hiện một bút lực và tầm cao trí tuệ của nhà văn sử trường về bút kí, tùy bút. Ông đã dành cho sông Hương cả một tấm lòng yêu mến và quý trọng đặc biệt.

*d. Sông Hương rời khỏi Kinh thành ra đi*

Đoạn nói về sông Hương rời khỏi Kinh thành ra đi được Hoàng Phủ Ngọc Tường diễn tả bằng một ngòi bút nghệ thuật rất dồi dào hoa phong tình. Ông đã nhân hóa sông Hương “*trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya*”. Ông cho biết nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước Hương Giang... Ông cho hay, thi hào Nguyễn Du đã từng ôm ấp “*một phiến trăng sầu*” trong bao năm lênh đênh trên dòng sông Hương. Một nghệ nhân già, chơi đàn hết nửa thế kỉ đã chỉ đích danh hai câu thơ “*Trong như tiếng hạc bay qua - Đục như tiếng suối mới sa nửa vời*” mang điệu nhạc cung đình *Tứ đại cảnh*. Sông Hương rời khỏi Kinh thành “*lưu luyến ra đi giữa màu xanh biếc của tre trúc và của những vườn cau vùng ngoại ô Vĩ Dạ*”, rồi nó lại đổi dòng đột ngột gặp lại thành phố lần cuối ở góc thị trấn Bao Vinh xưa cổ “*như sự nhớ lại một điều gì chưa kịp nói*”; phải chăng khúc lượn này, sông Hương “*có cái gì rất lạ với tự nhiên và rất giống con người*”. Tác giả cho rằng đó là “*nỗi vương vấn, cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu*”. Và ông đã so sánh sông Hương với nàng Kiều trong đêm tình tự; ông dẫn buông hai câu thơ của Nguyễn Du để nói về sự lưu luyến chí tình với lời thề trước khi về biển cả. Thật không có sự so sánh nào hay hơn khi nói về con sông mang tình người, tình son sắt chung thủy của lứa đôi. “*Còn non, còn nước, còn dài – Còn về, còn nhớ...*”, lời thề của lứa đôi, lời thề của dòng sông đã trở thành giọng hò dân gian của xứ Huế. Sâu xa hơn nữa, lời thề ấy là tấm lòng người dân Châu Hóa xưa mãi mãi chung tình với quê hương xứ sở thân thương.

Đến với Huế mộng mơ là đến với sông Hương, đến với tiếng chuông chùa Thiên Mụ, đến với tiếng gà Bao Vinh, là đến với lăng tẩm đế vương, đến với những con người thủy chung trọn tình trọn nghĩa, là đến với những bài ca điệu hò dân gian dịu ngọt.

Tác giả bài tùy bút "*Ai đã đặt tên cho dòng sông?*" đã nói hộ lòng ta những tình cảm sâu sắc, tốt đẹp ấy.

Bài tùy bút đã thể hiện một bút pháp nghệ thuật độc đáo, tài hoa và phong tình của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Tác giả đã tạo nên chất thơ quyến rũ làm say lòng người. Những tri thức về địa lí, văn hóa, thi ca, âm nhạc của ông đã chung đúc thành trang văn tuyệt bút.

### **Bài làm (Câu 3)**

"*Tràng giang*" là bài thơ kiệt tác của Huy Cận rút trong tập thơ "*Lửa thiêng*" (1940). Bài thơ có một câu đề từ rất đậm đà: "*Bâng khuâng trời rộng, nhớ sông dài*". Tác giả đã có lần nói: "*Tràng giang là một bài thơ tình và tình gặp cảnh, một bài thơ về tâm hồn*". "*Tràng giang*" tiêu biểu cho vẻ đẹp của hồn thơ Huy Cận trước cách mạng: hàm súc, cô điển, giàu chất suy tưởng triết lí, thấm thía một nỗi buồn nhân thế "*sâu trăm ngả*".

Bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn trường thiên, có 4 khổ thơ hợp thành một bộ tứ bình về tràng giang một chiều thu. Đây là khổ thơ thứ hai của "*Tràng giang*":

*"Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu*

*Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều*

*Nắng xuống, trời lên sâu chót vót*

*Sông dài, trời rộng, bến cô liêu".*

Từ dòng sông, sóng gợn, con thuyền xuôi mái và cánh củi khô bập bênh trôi dạt trên sóng... ở khổ một, Huy Cận nói đến cảnh tràng giang một buổi chiều mênh mông, vắng vẻ. Giọng thơ nhẹ nhẹ man mác buồn. Không gian nghệ thuật được mở rộng về đôi bờ và bầu trời. Những cồn cát thừa thớt nhấp nhô "lơ thơ" như nối tiếp mãi dài ra. Gió chiều nhẹ thổi "đìu hiu" gợi buồn khôn xiết kể. Hai chữ "đìu hiu" gợi nhớ trong lòng người đọc một vãn thơ cổ:

*"Non Kì quạnh quẽ trăng treo,*

*Bến Phì gió thổi đìu hiu mấy gò".*

*(Chinh phụ ngâm)*

Làng xóm đôi bờ sông, trong buổi chiều tàn cũng rất vắng lặng. Một chút âm thanh nhỏ bé lao xao trong khoảnh khắc tan chợ, vãn chợ ở đâu đây, ở từ một làng xa vắng đến. Lấy động để tả tĩnh, câu thơ "Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều" đã làm nổi bật sự ngạc nhiên, chút băng khuâng của người lữ khách về cái vắng vẻ, cái hoang vắng của đôi bờ tràng giang. Các nhà thơ mới coi trọng tính nhạc trong thơ, vận dụng nghệ thuật phối âm, hòa thanh rất thần tình, tạo nên những vãn thơ giàu âm điệu, nhạc điệu, đọc lên nghe rất thích. Hai câu thơ đầu đoạn có điệp âm